

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/ 2021 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		1246
1	Tiến sĩ		20
1.1	Khoa học sự sống		5
1.1.1	Công nghệ sinh học	9420201	5
1.2	Kỹ thuật		1
1.2.1	Kỹ thuật cơ khí	9520103	1
1.3	Sản xuất và chế biến		4
1.3.1	Công nghệ thực phẩm	9540101	4
1.3.2	Kỹ thuật chế biến lâm sản	9549001	0
1.4	Nông lâm nghiệp và thủy sản		9
1.4.1	Chăn nuôi	9620105	1
1.4.2	Khoa học cây trồng	9620110	1
1.4.3	Bảo vệ thực vật	9620112	1
1.4.4	Kinh tế nông nghiệp	9620115	5
1.4.5	Lâm sinh	9620205	0
1.4.6	Nuôi trồng thủy sản	9620301	1
1.5	Thú y		0
1.5.1	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	9640102	0
1.6	Môi trường và bảo vệ môi trường		1
1.6.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	9850101	1
2	Thạc sĩ		1226
2.1	Khoa học sự sống		56
2.1.1	Công nghệ sinh học	8420201	56
2.2	Kỹ thuật		15
2.2.1	Kỹ thuật cơ khí	8520103	5
2.2.2	Kỹ thuật hoá học	8520301	2
2.2.3	Kỹ thuật môi trường	8520320	8
2.3	Sản xuất và chế biến		44
2.3.1	Công nghệ thực phẩm	8540101	35

2.3.2	Kỹ thuật chế biến lâm sản	8549001	9
2.4	Nông lâm nghiệp và thủy sản		324
2.4.1	Chăn nuôi	8620105	31
2.4.2	Khoa học cây trồng	8620110	111
2.4.3	Bảo vệ thực vật	8620112	47
2.4.4	Kinh tế nông nghiệp	8620115	45
2.4.5	Lâm học	8620201	68
2.4.6	Nuôi trồng thủy sản	8620301	22
2.5	Thú y		119
2.5.1	Thú y	8640101	119
2.6	Khoa học xã hội và hành vi		362
2.6.1	Quản lý kinh tế	8310110	362
2.7	Môi trường và bảo vệ môi trường		306
2.7.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	8850101	96
2.7.2	Quản lý đất đai	8850103	210
B	ĐẠI HỌC		17500
3	Đại học chính quy		17500
3.1	Chính quy		17500
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		1219
3.1.1.1	Máy tính và công nghệ thông tin		1219
3.1.1.1.1	Hệ thống thông tin	7480104	138
3.1.1.1.2	Công nghệ thông tin	7480201	1081
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		16281
3.1.2.1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		189
3.1.2.1.1	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	7140215	189
3.1.2.2	Kinh doanh và quản lý		2216
3.1.2.2.1	Quản trị kinh doanh	7340101	1359
3.1.2.2.2	Bất động sản	7340116	215
3.1.2.2.3	Kế toán	7340301	642

3.1.2.3	Khoa học sự sống		910
3.1.2.3.1	Công nghệ sinh học	7420201	910
3.1.2.4	Khoa học tự nhiên		124
3.1.2.4.1	Khoa học môi trường	7440301	124
3.1.2.5	Công nghệ kỹ thuật		2763
3.1.2.5.1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	696
3.1.2.5.2	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	315
3.1.2.5.3	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	616
3.1.2.5.4	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	258
3.1.2.5.5	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	814
3.1.2.5.6	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007	64
3.1.2.6	Kỹ thuật		557
3.1.2.6.1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	338
3.1.2.6.2	Kỹ thuật môi trường	7520320	219
3.1.2.7	Sản xuất và chế biến		2401
3.1.2.7.1	Công nghệ thực phẩm	7540101	1826
3.1.2.7.2	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	201
3.1.2.7.3	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	374
3.1.2.8	Nông lâm nghiệp và thủy sản		2512
3.1.2.8.1	Chăn nuôi	7620105	585
3.1.2.8.2	Nông học	7620109	619
3.1.2.8.3	Bảo vệ thực vật	7620112	346
3.1.2.8.4	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	7620113	84
3.1.2.8.5	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	321
3.1.2.8.6	Phát triển nông thôn	7620116	35
3.1.2.8.7	Lâm học	7620201	73
3.1.2.8.8	Lâm nghiệp đô thị	7620202	17
3.1.2.8.9	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	53
3.1.2.8.10	Nuôi trồng thủy sản	7620301	379
3.1.2.9	Thú y		1686
3.1.2.9.1	Thú y	7640101	1686

3.1.2.10	Nhân văn		690
3.1.2.10.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	690
3.1.2.11	Khoa học xã hội và hành vi		905
3.1.2.11.1	Kinh tế	7310101	905
3.1.2.12	Môi trường và bảo vệ môi trường		1328
3.1.2.12.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	342
3.1.2.12.2	Quản lý đất đai	7850103	862
3.1.2.12.3	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002	49
3.1.2.12.4	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	7859007	75
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		0
3.3.1	Kinh doanh và quản lý		0
3.3.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	0
3.3.1.2	Kế toán	7340301	0
3.3.2	Nông lâm nghiệp và thủy sản		0
3.3.2.1	Nông học	7620109	0
3.3.3	Môi trường và bảo vệ môi trường		0
3.3.3.1	Quản lý đất đai	7850103	0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		0
3.4.1	Nông lâm nghiệp và thủy sản		0
3.4.1.1	Nông học	7620109	0
3.4.2	Thú y		0
3.4.2.1	Thú y	7640101	0
3.4.3	Môi trường và bảo vệ môi trường		0
3.4.3.1	Quản lý đất đai	7850103	0
4	Đại học vừa làm vừa học		0
4.1	Vừa làm vừa học		0
4.1.1	Kinh doanh và quản lý		0
4.1.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	0
4.1.1.2	Kế toán	7340301	0

4.1.2	Nông lâm nghiệp và thủy sản		0
4.1.2.1	Nông học	7620109	0
4.1.3	Thú y		0
4.1.3.1	Thú y	7640101	0
4.1.4	Môi trường và bảo vệ môi trường		0
4.1.4.1	Quản lý đất đai	7850103	0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
5	Từ xa		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		199
6	Cao đẳng chính quy		199
6.1	Chính quy	51140201	199
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy	51140201	0
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	0
7	Cao đẳng vừa làm vừa học		0
7.1	Vừa làm vừa học	51140201	0
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học	51140201	0
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	0

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 1423662
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 3877
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: m²/người69

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	419	43674
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	4	2090
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	25	6944
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	67	11126
5	Số phòng học dưới 50 chỗ	48	6071
6	Số phòng học đa phương tiện	24	1935
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	251	15508
8	Thư viện, trung tâm học liệu	2	6656
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	94	13561

2.2 Các thông tin khác

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Biện Thị Lan Thanh		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ sinh học
2	Bùi Cách Tuyền	Giáo sư	Tiến sĩ	Nông học		Công nghệ thực phẩm
3	Bùi Đại Nghĩa		Thạc sĩ	Toán học		Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo
4	Bùi Hữu Chất		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Kinh tế
5	Bùi Minh Tâm		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
6	Bùi Minh Trí		Tiến sĩ	Nông học		Bảo vệ thực vật
7	Bùi Ngọc Hùng		Tiến sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí

8	Bùi Ngọc Thúy Linh		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
9	Bùi Nữ Ngọc Yến		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Công nghệ kỹ thuật hóa học
10	Bùi Phạm Thanh Hương		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
11	Bùi Quang Mạnh Anh		Đại học	Kỹ thuật môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
12	Bùi Quốc Chính		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
13	Bùi Thị Bảo Châu		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
14	Bùi Thị Cẩm Nhi		Thạc sĩ	Quản lý môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
15	Bùi Thị Cẩm Phương		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Giáo dục Mầm non
16	Bùi Thị Kim Hoàng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh nông nghiệp
17	Bùi Thị Kim Phụng		Thạc sĩ	Chăn nuôi thú y		Chăn nuôi
18	Bùi Thị Mai		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Kinh tế

19	Bùi Thị Thiên Kim		Thạc sĩ	Chế biến lâm sản		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
20	Bùi Thị Trà Mi		Tiến sĩ	Chăn nuôi thú y		Chăn nuôi
21	Bùi Trang Phương Nam		Tiến sĩ	Toán tin học		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
22	Bùi Văn Hải		Thạc sĩ	Bảo vệ, sử dụng, tái tạo môi trường		Quản lý đất đai
23	Bùi Xuân Nhã		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Kinh doanh nông nghiệp
24	Cần Kim Dũng		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
25	Cao Đức Lợi		Đại học	Điện - Điện tử		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
26	Cao Phước Uyên Trân		Thạc sĩ	Chăn nuôi thú y		Chăn nuôi
27	Cao Thái Bảo		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Kinh tế
28	Cao Thị Thanh Loan		Tiến sĩ	Nông học		Công nghệ thực phẩm

29	Châu Anh Vũ		Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng		Kinh tế
30	Chế Minh Tùng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Chăn nuôi thú y		Chăn nuôi
31	Đàm Thị Hải Âu		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
32	Đặng Đức Huy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh nông nghiệp
33	Đặng Hải Phương		Thạc sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ kỹ thuật ô tô
34	Đặng Huỳnh Thúy Vy		Đại học	Công nghệ Sinh học Môi trường		Công nghệ sinh học
35	Đặng Kiên Cường		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
36	Đặng Lê Hoa		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển		Kinh tế
37	Đặng Lê Thanh Liên		Thạc sĩ	Lâm nghiệp		Lâm nghiệp đô thị
38	Đặng Minh Hải		Thạc sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ chế biến lâm sản
39	Đặng Minh Tiến		Đại học	Công nghệ Thông tin		Công nghệ thông tin

40	Đặng Minh Tuấn		Đại học	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
41	Đàng Ngọc Huynh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
42	Đặng Nguyễn Đông Phương		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên môi trường		Hệ thống thông tin
43	Đặng Thanh Hà	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Kinh tế
44	Đặng Thị Ngọc Anh		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
45	Đặng Thị Như Ngọc		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Quản trị kinh doanh
46	Đặng Thị Thanh Hòa		Thạc sĩ	Phát triển nghề cá		Công nghệ chế biến thủy sản
47	Đặng Thị Thanh Nhân		Thạc sĩ	Công nghệ giấy và bột giấy		Công nghệ chế biến lâm sản
48	Đặng Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Quản trị kinh doanh
49	Đặng Thị Xuân Thiệp		Thạc sĩ	Thú y		Thú y

50	Đặng Văn Quý		Thạc sĩ	Toán học		Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo
51	Đặng Vinh Quang		Thạc sĩ	Cơ khí Nông nghiệp		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
52	Đào Đức Tuyên		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Ngôn ngữ Anh
53	Đào Duy Vinh		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử
54	Đào Ngọc Duy		Đại học	Công nghệ hóa học		Công nghệ kỹ thuật hóa học
55	Đào Như Nguyễn		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
56	Đạo Thị Yến Nhi		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
57	Diệp Thanh Tùng		Thạc sĩ	Công nghệ hóa học		Công nghệ kỹ thuật hóa học
58	Đinh Công Bình		Tiến sĩ	Công nghệ nhiệt lạnh		Công nghệ kỹ thuật ô tô
59	Đinh Quang Vinh		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Bất động sản
60	Đinh Thanh Tùng		Thạc sĩ	Hóa học		Bất động sản

61	Đinh Thế Nhân		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Nuôi trồng thủy sản
62	Đinh Thị Mỹ Loan		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Công nghệ kỹ thuật hóa học
63	Đinh Xuân Phát		Tiến sĩ	Thú y		Công nghệ sinh học
64	Đỗ Minh Hoàng		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Kinh tế
65	Đỗ Ngọc Côi		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Kinh tế
66	Đỗ Ngọc Nhuận		Thạc sĩ	Kiến trúc		Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên
67	Đỗ Tấn Dương		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
68	Đỗ Thị Lợi		Thạc sĩ	Thông tin thư viện		Bất động sản
69	Đỗ Thị Yến Nhi		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
70	Đỗ Tiến Duy	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y		Thú y
71	Đỗ Văn Ly		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán

72	Đỗ Việt Hà		Tiến sĩ	Công nghệ hóa học và thực phẩm		Công nghệ kỹ thuật hóa học
73	Đỗ Xuân Hồng		Tiến sĩ	Quản lý môi trường		Công nghệ thực phẩm
74	Đoàn Hoàng Phú		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
75	Đoàn Ngọc Thuận		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp
76	Đoàn Thị Phương Thùy		Tiến sĩ	Sinh học		Công nghệ sinh học
77	Đoàn Thị Quỳnh Trâm		Thạc sĩ	Hóa phân tích		Quản lý tài nguyên và môi trường
78	Đoàn Trần Vĩnh Khánh		Thạc sĩ	Thú y		Chăn nuôi
79	Đoàn Văn Vương		Thạc sĩ	Tin học		Hệ thống thông tin
80	Đoàn Xuân Phong		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non
81	Đường Chi Mai		Tiến sĩ	Thú y		Thú y
82	Dương Công Vinh		Thạc sĩ	Khoa học Môi trường và Bảo vệ môi trường		Tài nguyên và Du lịch sinh thái

83	Dương Nguyên Khang	Giáo sư	Tiến sĩ	Thú y		Thú y
84	Dương Thành Lam		Thạc sĩ	Nông học		Công nghệ thông tin
85	Dương Thị Hương Giang		Đại học	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
86	Dương Thị Mỹ Tiên		Thạc sĩ	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên		Công nghệ thông tin
87	Dương Thị Ngọc Dân		Đại học	Kỹ thuật thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
88	Dương Thị Ngọc Diệp		Tiến sĩ	Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
89	Dương Thị Thu Thịnh		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Quản trị kinh doanh
90	Dương Thị Tuyết Hà		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
91	Dương Tiểu Mai		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
92	Hà Thị Ngọc Thương		Thạc sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp
93	Hà Thị Thảo Trâm		Thạc sĩ	Toán học		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá

94	Hà Thị Thu Hòa		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Quản trị kinh doanh
95	Hồ Lê Tuấn		Tiến sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ thông tin
96	Hồ Tấn Quốc		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
97	Hồ Thanh Bá		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ thực phẩm
98	Hồ Thanh Tâm		Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên môi trường		Kinh tế
99	Hồ Thị Thuỳ Dung		Thạc sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ chế biến lâm sản
100	Hồ Thị Trường Thy		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Nuôi trồng thủy sản
101	Hồ Văn Công Nhân		Thạc sĩ	Giáo dục học		Su phạm Kỹ thuật nông nghiệp
102	Hồ Văn Nghĩa		Đại học	Công nghệ kỹ thuật Cơ - Điện tử		Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử
103	Hồ Yên Linh		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng		Bất động sản
104	Hoàng Bảo Phú		Thạc sĩ	Quản lý môi trường		Quản trị kinh doanh

105	Hoàng Hà Anh		Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên môi trường		Kinh tế
106	Hoàng Long		Tiến sĩ	Di truyền và chọn giống cây trồng		Nông học
107	Hoàng Nhị Hà		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
108	Hoàng Oanh Thoa		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
109	Hoàng Thanh Hải		Tiến sĩ	Thú y		Công nghệ thực phẩm
110	Hoàng Thế Vinh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
111	Hoàng Thị Hương Giang		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Kinh tế
112	Hoàng Thị Lan		Thạc sĩ	Văn học		Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp
113	Hoàng Thị Mỹ Hương		Thạc sĩ	Quản lý môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
114	Hoàng Thị Thanh Hương		Tiến sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ chế biến lâm sản

115	Hoàng Thị Thủy		Thạc sĩ	Quản lý môi trường và Tài nguyên		Quản lý tài nguyên và môi trường
116	Hoàng Văn Hòa		Thạc sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ chế biến lâm sản
117	Hứa Thị Thùy Linh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		Quản trị kinh doanh
118	Huỳnh Anh Tuấn		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
119	Huỳnh Bích Phương		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
120	Huỳnh Hoa Anh Đào		Tiến sĩ	Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
121	Huỳnh Ngọc Anh Tuấn		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Công nghệ kỹ thuật nhiệt
122	Huỳnh Ngọc Hưng		Thạc sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ chế biến lâm sản
123	Huỳnh Ngọc Thúy An		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
124	Huỳnh Nguyệt Anh		Thạc sĩ	Tin học		Công nghệ thông tin

125	Huỳnh Tấn Nhựt		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Kỹ thuật môi trường
126	Huỳnh Thanh Hiền		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
127	Huỳnh Thanh Hùng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Nông học		Bảo vệ thực vật
128	Huỳnh Thanh Trúc		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
129	Huỳnh Thị Cẩm Loan		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
130	Huỳnh Thị Lệ Trang		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
131	Huỳnh Thị Ngọc Oanh		Thạc sĩ	Công nghệ môi trường		Tài nguyên và Du lịch sinh thái
132	Huỳnh Tiến Đạt		Tiến sĩ	Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
133	Huỳnh Trung Chánh		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
134	Huỳnh Văn Biết		Tiến sĩ	Sinh thái, sinh hóa phân tử		Công nghệ kỹ thuật hóa học
135	Huỳnh Vĩnh Khang		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ sinh học

136	Huỳnh Yến Nhi		Thạc sĩ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường		Quản lý đất đai
137	Kha Chấn Tuyên	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
138	Khúc Đình Nam		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Kế toán
139	Khương Hải Châu		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
140	La Vĩnh Hải Hà		Tiến sĩ	Lâm nghiệp		Lâm học
141	Lại Thị Diệu Oanh		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
142	Lâm Ánh Tuyết		Đại học	Thú y		Thú y
143	Lâm Bích Châu		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Quản trị kinh doanh
144	Lê Anh Đức	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
145	Lê Anh Tuấn		Tiến sĩ	Lý thuyết tối ưu		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
146	Lê Ánh Tuyết		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Kế toán

147	Lê Công Trứ		Tiến sĩ	Triết học		Kế toán
148	Lê Đình Đôn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học thực vật		Công nghệ sinh học
149	Lê Hoàng Hải		Thạc sĩ	Vật lý kỹ thuật		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
150	Lê Hoàng My		Đại học	Kế toán		Kế toán
151	Lê Hoàng Tiến		Thạc sĩ	Quy hoạch cơ sở hạ tầng		Quản lý đất đai
152	Lê Hoàng Tú		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin địa lý		Hệ thống thông tin
153	Lê Hồng Châu Sơn		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Công nghệ thực phẩm
154	Lê Hồng Phượng		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ kỹ thuật hóa học
155	Lê Hữu Khương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y		Thú y
156	Lê Hữu Ngọc		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
157	Lê Hữu Trinh		Thạc sĩ	Hóa lý thuyết và Hóa lý		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá

158	Lê Huy Hoàng		Đại học	Hội họa		Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên
159	Lê Khắc Hoàng		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật		Bảo vệ thực vật
160	Lê Khõe Quý		Đại học	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
161	Lê Minh Hà		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
162	Lê Minh Hoàng		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ sinh học
163	Lê Minh Sơn		Thạc sĩ	Khoa học cây trồng		Bất động sản
164	Lê Mộng Triết		Thạc sĩ	Trắc địa		Quản lý đất đai
165	Lê Na		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
166	Lê Ngọc Lãm		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
167	Lê Nguyễn Kim Hằng		Tiến sĩ	Toán học		Công nghệ kỹ thuật nhiệt
168	Lê Nguyễn Mai Anh		Tiến sĩ	Vật lý		Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử

169	Lê Nguyễn Phương Khanh		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
170	Lê Phạm Việt Mẫn		Thạc sĩ	Sinh học (Vi sinh vật học)		Công nghệ sinh học
171	Lê Phi Hùng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
172	Lê Phú Quỳnh Như		Thạc sĩ	Khoa học cây trồng		Nông học
173	Lê Quang Giảng		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật nhiệt
174	Lê Quang Hiền		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
175	Lê Quang Nghĩa		Thạc sĩ	Chế biến lâm sản		Công nghệ thông tin
176	Lê Quang Thông		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Phát triển nông thôn
177	Lê Quang Thông	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y		Thú y
178	Lê Quang Trí		Thạc sĩ	Cơ khí ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
179	Lê Quang Vinh		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật ô tô

180	Lê Quốc Tuấn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật hóa		Khoa học môi trường
181	Lê Tấn Thanh Lâm		Thạc sĩ	Khoa học môi trường		Công nghệ thực phẩm
182	Lê Thanh Hiền	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y		Thú y
183	Lê Thành Hưng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
184	Lê Thanh Thùy		Thạc sĩ	Chế biến lâm sản		Công nghệ chế biến lâm sản
185	Lê Thế Lương		Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm		Công nghệ thực phẩm
186	Lê Thị Bách Thảo		Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên môi trường		Kinh tế
187	Lê Thị Bảo Châu		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Quản trị kinh doanh
188	Lê Thị Bích		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non
189	Lê Thị Bích Nga		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng		Quản trị kinh doanh
190	Lê Thị Diệu Trang		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật		Công nghệ kỹ thuật hóa học

191	Lê Thị Dung		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non
192	Lê Thị Hồng Phượng		Thạc sĩ	Sinh học		Công nghệ thông tin
193	Lê Thị Huệ Trang		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Kế toán
194	Lê Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
195	Lê Thị Kim Tuyến		Đại học	Thú y		Thú y
196	Lê Thị Lan Thảo		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Kỹ thuật môi trường
197	Lê Thị Ngân Vang		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
198	Lê Thị Ngọc Hân		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Công nghệ thực phẩm
199	Lê Thị Oanh		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Khoa học môi trường
200	Lê Thị Phượng Linh		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
201	Lê Thị Quý Chung		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

202	Lê Thị Thanh		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
203	Lê Thị Thanh Vân		Thạc sĩ	Công nghệ hóa học		Công nghệ kỹ thuật hóa học
204	Lê Thị Thủy		Đại học	Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
205	Lê Thị Thủy		Thạc sĩ	Quản lý môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
206	Lê Thị Tiểu Phượng		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
207	Lê Thị Tuyết Mai		Thạc sĩ	Giáo dục học		Su phạm Kỹ thuật nông nghiệp
208	Lê Thụy Bình Phương		Tiến sĩ	Thú y		Thú y
209	Lê Tiểu Anh Thư		Thạc sĩ	Công nghệ giấy và bột giấy		Công nghệ chế biến lâm sản
210	Lê Trọng Hiếu		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
211	Lê Trung Thiên	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm

212	Lê Trương Ngọc Hân		Thạc sĩ	Quản lý môi trường		Công nghệ thực phẩm
213	Lê Văn Điện		Thạc sĩ	Cơ điện		Công nghệ kỹ thuật ô tô
214	Lê Văn Huy		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ thông tin
215	Lê Văn Phận		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
216	Lê Văn Tuấn		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
217	Lê Việt Thanh		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
218	Lê Vĩnh Linh		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Công nghệ thông tin
219	Lê Võ Thanh Lâm		Tiến sĩ	CN Duy vật VC&CNDVLS		Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo
220	Lê Vũ		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Kinh doanh nông nghiệp
221	Lương Hồng Quang		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm

222	Lương Phương Bình		Thạc sĩ	Giáo Dục Thể Chất		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
223	Lưu Đình Phúc		Thạc sĩ	Tiếng Pháp		Quản trị kinh doanh
224	Lưu Thanh Quang		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh		Quản trị kinh doanh
225	Lưu Thanh Thiên		Đại học	Công Nghệ - Kỹ Thuật Ô Tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
226	Lưu Thị Thúy Hòa		Thạc sĩ	Vật lý		Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử
227	Lý Hồng Sơn		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
228	Lý Ngọc Thu Thảo		Đại học	Ngôn Ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
229	Mạc Văn Chăm		Thạc sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ thông tin
230	Mai Đăng Tiến		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thực phẩm
231	Mai Đình Quý		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Kinh tế
232	Mai Hoàng Giang		Đại học	Kinh tế		Quản trị kinh doanh

233	Mai Huỳnh Cang	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm		Công nghệ kỹ thuật hóa học
234	Mai Xuân Sảng		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Công nghệ thông tin
235	Ngô Bá Duy		Tiến sĩ	Thú y		Thú y
236	Ngô Bích Vân		Đại học	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
237	Ngô Hồng Phụng		Tiến sĩ	Thú y		Chăn nuôi
238	Ngô Minh Thụy		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
239	Ngô Phan Lan Dung		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
240	Ngô Thị Minh Thê		Thạc sĩ	Nông học		Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên
241	Ngô Thị Ty Na		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
242	Ngô Vy Thảo		Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường		Kỹ thuật môi trường
243	Nguyễn A.H.Tường Vân		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin

244	Nguyễn Anh Trinh		Thạc sĩ	Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
245	Nguyễn Anh Tuấn		Đại học	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
246	Nguyễn Anh Tuấn		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Kinh doanh nông nghiệp
247	Nguyễn Bá Toàn		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất		Công nghệ kỹ thuật nhiệt
248	Nguyễn Bạch Đằng		Tiến sĩ	Luật học		Kinh doanh nông nghiệp
249	Nguyễn Bảo Quốc	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Nông học		Công nghệ kỹ thuật hóa học
250	Nguyễn Bảo Việt		Tiến sĩ	Công nghệ hóa học		Công nghệ kỹ thuật hóa học
251	Nguyễn Cao Kiệt		Thạc sĩ	Khoa học cây trồng		Nông học
252	Nguyễn Châu Niên		Tiến sĩ	Nông học		Nông học
253	Nguyễn Công Mạnh		Thạc sĩ	Quản lý môi trường và tài nguyên		Quản lý tài nguyên và môi trường

254	Nguyễn Cửu Tuệ		Thạc sĩ	Quản lý môi trường và tài nguyên		Công nghệ sinh học
255	Nguyễn Đăng Khoa		Thạc sĩ	Cơ khí nông nghiệp		Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử
256	Nguyễn Đăng Thị Cúc Huyền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
257	Nguyễn Đăng Thoại		Đại học	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp		Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp
258	Nguyễn Đình Như Hà		Thạc sĩ	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
259	Nguyễn Đình Phú		Tiến sĩ	Quản lý lưu vực và môi trường		Thú y
260	Nguyễn Đình Quát		Tiến sĩ	Thú y		Thú y
261	Nguyễn Đình Trưởng		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất		Hệ thống thông tin
262	Nguyễn Du		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản trị kinh doanh
263	Nguyễn Đức Công Song		Thạc sĩ	Công nghệ phần mềm		Công nghệ thông tin

264	Nguyễn Đức Khuyển		Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
265	Nguyễn Đức Thành		Thạc sĩ	Xã hội học		Ngôn ngữ Anh
266	Nguyễn Đức Xuân Chương		Tiến sĩ	Nông học		Nông học
267	Nguyễn Duy Liêm		Đại học	Thông tin địa lý		Tài nguyên và Du lịch sinh thái
268	Nguyễn Duy Linh		Thạc sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ chế biến lâm sản
269	Nguyễn Duy Năng		Tiến sĩ	Nông học		Nông học
270	Nguyễn Duy Ngọc		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
271	Nguyễn Hải Đăng		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
272	Nguyễn Hải Triều		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
273	Nguyễn Hay	Giáo sư	Tiến sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật nhiệt
274	Nguyễn Hoàng Diệu Minh		Thạc sĩ	Sinh học		Công nghệ thông tin

275	Nguyễn Hoàng Liêm		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
276	Nguyễn Hoàng Nam Kha		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ chế biến thủy sản
277	Nguyễn Hoàng Thảo Ly		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
278	Nguyễn Hồng Đức		Thạc sĩ	Nông học		Bảo vệ thực vật
279	Nguyễn Hồng Nguyên		Thạc sĩ	Công nghệ hóa học		Công nghệ kỹ thuật hóa học
280	Nguyễn Hồng Nhung		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ sinh học
281	Nguyễn Hương Quỳnh		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
282	Nguyễn Hữu Cường		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
283	Nguyễn Hữu Hòa		Thạc sĩ	Cơ khí chế tạo máy		Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử
284	Nguyễn Hữu Thiện		Đại học	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
285	Nguyễn Hữu Thịnh		Tiến sĩ	Khoa học biển		Nuôi trồng thủy sản

286	Nguyễn Hữu Trí		Tiến sĩ	Sinh học		Lâm nghiệp đô thị
287	Nguyễn Huy Bích	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Cơ khí		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
288	Nguyễn Huy Vũ		Đại học	Kỹ thuật môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
289	Nguyễn Huỳnh Trường Gia		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
290	Nguyễn Khoa Huy		Tiến sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
291	Nguyễn Kiên Cường		Tiến sĩ	Thú y		Thú y
292	Nguyễn Kim Huệ		Thạc sĩ	Chính sách công		Quản trị kinh doanh
293	Nguyễn Kim Lợi	Giáo sư	Tiến sĩ	Địa tin học		Khoa học môi trường
294	Nguyễn Kim Ngân		Đại học	Công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi		Chăn nuôi
295	Nguyễn Kim Thoa		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
296	Nguyễn Lê Hồng Thuý		Tiến sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ chế biến lâm sản
297	Nguyễn Liên Hương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh

298	Nguyễn Linh Vũ		Tiến sĩ	Quản lý môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
299	Nguyễn Long Vĩnh Trường		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non
300	Nguyễn Lưu Nguyễn		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất		Công nghệ kỹ thuật ô tô
301	Nguyễn Lưu Như Quỳnh		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
302	Nguyễn Mạnh Cường		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
303	Nguyễn Mạnh Hùng		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
304	Nguyễn Minh Cảnh		Tiến sĩ	Lâm nghiệp		Quản lý tài nguyên rừng
305	Nguyễn Minh Hiền		Thạc sĩ	Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
306	Nguyễn Minh Kỳ		Thạc sĩ	Khoa học môi trường		Chăn nuôi
307	Nguyễn Minh Quang		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
308	Nguyễn Minh Quang		Đại học	Nông học		Quản trị kinh doanh

309	Nguyễn Minh Tôn		Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên môi trường		Kế toán
310	Nguyễn Minh Xuân Hồng		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
311	Nguyễn Minh Xuân Hương		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
312	Nguyễn Nam Quyền		Thạc sĩ	Công nghệ nhiệt lạnh		Công nghệ kỹ thuật ô tô
313	Nguyễn Ngọc Hà		Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường		Chăn nuôi
314	Nguyễn Ngọc Hải	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y		Thú y
315	Nguyễn Ngọc Hạnh		Thạc sĩ	Quản lý thị trường bất động sản		Quản lý đất đai
316	Nguyễn Ngọc Sinh		Thạc sĩ	Công nghệ môi trường		Chăn nuôi
317	Nguyễn Ngọc Sơn		Thạc sĩ	Du lịch		Quản lý tài nguyên và môi trường
318	Nguyễn Ngọc Tấn		Tiến sĩ	Chăn nuôi thú y		Công nghệ sinh học

319	Nguyễn Ngọc Thanh Xuân		Tiến sĩ	Thú y		Công nghệ thực phẩm
320	Nguyễn Ngọc Thùy		Tiến sĩ	Sinh thái học		Quản trị kinh doanh
321	Nguyễn Ngọc Thy		Thạc sĩ	Nông học		Quản lý đất đai
322	Nguyễn Nhật Huỳnh Mai		Tiến sĩ	Kỹ thuật và quản lý môi trường		Công nghệ thực phẩm
323	Nguyễn Nhật Tân		Đại học	Bác sĩ Thú y		Thú y
324	Nguyễn Như Trí	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Nuôi trồng thủy sản
325	Nguyễn Nhựt Hưng		Thạc sĩ	Toán Giải tích		Công nghệ kỹ thuật ô tô
326	Nguyễn Nhựt long		Đại học	Kỹ thuật cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
327	Nguyễn Ninh Hải		Đại học	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
328	Nguyễn Phạm Hồng Lan		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
329	Nguyễn Phú Hòa	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thủy sản		Nuôi trồng thủy sản

330	Nguyễn Phú Thương Nhân		Thạc sĩ	Kỹ Thuật Hóa Học		Công nghệ kỹ thuật hóa học
331	Nguyễn Phúc Cẩm Tú		Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường		Công nghệ chế biến thủy sản
332	Nguyễn Phúc Thưởng		Tiến sĩ	Thủy sản		Công nghệ chế biến thủy sản
333	Nguyễn Phương		Tiến sĩ	Nông học		Nông học
334	Nguyễn Quang Thiệu	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Chăn nuôi thú y		Chăn nuôi
335	Nguyễn Quốc Bình		Thạc sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ chế biến lâm sản
336	Nguyễn Quốc Cường		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Quản trị kinh doanh
337	Nguyễn Quốc Tín		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
338	Nguyễn Quốc Tuấn		Thạc sĩ	Chăn nuôi thú y		Chăn nuôi
339	Nguyễn Tấn Chung		Tiến sĩ	Nghiên cứu môi trường		Công nghệ sinh học
340	Nguyễn Tấn Phúc		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử

341	Nguyễn Tấn Phước		Thạc sĩ	LL và PPDH Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
342	Nguyễn Tất Toàn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y		Thú y
343	Nguyễn Thanh Bình		Tiến sĩ	Nông học		Nông học
344	Nguyễn Thanh Bình		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
345	Nguyễn Thanh Hải		Thạc sĩ	Chăn nuôi thú y		Thú y
346	Nguyễn Thanh Hào		Tiến sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật ô tô
347	Nguyễn Thanh Long		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị		Quản trị kinh doanh
348	Nguyễn Thanh Nghị		Tiến sĩ	Cơ khí nông nghiệp		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
349	Nguyễn Thanh Phong		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
350	Nguyễn Thanh Phước		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
351	Nguyễn Thanh Phương		Thạc sĩ	Kỹ thuật hoá học		Công nghệ kỹ thuật hóa học

352	Nguyễn Thanh Tâm		Tiến sĩ	Thủy sản		Công nghệ kỹ thuật ô tô
353	Nguyễn Thanh Tùng		Thạc sĩ	Văn học (Lý luận Văn học)		Kinh tế
354	Nguyễn Thảo Sương		Tiến sĩ	Khoa học biển		Nuôi trồng thủy sản
355	Nguyễn Thị Ái Hà		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
356	Nguyễn Thị ánh Nguyệt		Thạc sĩ	Chế biến lâm sản		Công nghệ chế biến lâm sản
357	Nguyễn Thị Bạch Mai		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Công nghệ sinh học
358	Nguyễn Thị Bích Liên		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
359	Nguyễn Thị Bích Phượng		Tiến sĩ	Khoa học đất và môi trường		Quản lý đất đai
360	Nguyễn Thị Bình Minh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
361	Nguyễn Thị Chí Tâm		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
362	Nguyễn Thị Hà Giang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh nông nghiệp

363	Nguyễn Thị Hà Vy		Thạc sĩ	Quản lý môi trường		Công nghệ thực phẩm
364	Nguyễn Thị Hoài		Thạc sĩ	Quản lý môi trường		Quản trị kinh doanh
365	Nguyễn Thị Hoài Thu		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật nhiệt
366	Nguyễn Thị Hoàng Diệp		Đại học	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
367	Nguyễn Thị Hoàng Yến		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
368	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản lý đất đai
369	Nguyễn Thị Hương Giang		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Lâm nghiệp đô thị
370	Nguyễn Thị Huyền		Thạc sĩ	Thông tin địa lý		Công nghệ thực phẩm
371	Nguyễn Thị Huyền Trang		Thạc sĩ	Nông học		Bảo vệ thực vật
372	Nguyễn Thị Khánh Thảo		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị		Kinh tế
373	Nguyễn Thị Kiều hạnh		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử

374	Nguyễn Thị Kiều Nương		Thạc sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ chế biến lâm sản
375	Nguyễn Thị Kim An		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
376	Nguyễn Thị Kim Linh		Tiến sĩ	Nông học		Công nghệ sinh học
377	Nguyễn Thị Kim Loan		Tiến sĩ	Thú y		Chăn nuôi
378	Nguyễn Thị Kim Tiên		Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên môi trường		Kinh tế
379	Nguyễn Thị Lan Phương		Thạc sĩ	Bảo vệ thực vật		Lâm học
380	Nguyễn Thị Lan Thương		Thạc sĩ	Địa chính		Công nghệ thực phẩm
381	Nguyễn Thị Long Hương		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
382	Nguyễn Thị Lý		Đại học	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
383	Nguyễn Thị Mai		Tiến sĩ	Sinh học		Quản lý đất đai
384	Nguyễn Thị Minh Đức		Thạc sĩ	Tài chính kế toán		Kế toán

385	Nguyễn Thị Minh Hải		Thạc sĩ	Lâm nghiệp		Lâm nghiệp đô thị
386	Nguyễn Thị Minh Hương		Thạc sĩ	Tin học		Công nghệ thông tin
387	Nguyễn Thị Mỹ Nhân		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
388	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
389	Nguyễn Thị Ngọc Hà		Thạc sĩ	Kinh tế		Kế toán
390	Nguyễn Thị Ngọc Lan		Thạc sĩ	Hóa học		Công nghệ kỹ thuật hóa học
391	Nguyễn Thị Ngọc Sang		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ sinh học
392	Nguyễn Thị Nhật Linh		Thạc sĩ	Luật học		Kinh tế
393	Nguyễn Thị Phi Oanh		Đại học	Ngôn Ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
394	Nguyễn Thị Phụng Kiều		Đại học	Bảo vệ thực vật		Bảo vệ thực vật
395	Nguyễn Thị Phước Thủy		Thạc sĩ	Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm		Công nghệ thực phẩm

396	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
397	Nguyễn Thị Phương Anh		Thạc sĩ	Khoa học môi trường		Công nghệ thực phẩm
398	Nguyễn Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Cơ khí nông nghiệp		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
399	Nguyễn Thị Phương Trâm		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
400	Nguyễn Thị Phương Trang		Thạc sĩ	Sinh học		Công nghệ thông tin
401	Nguyễn Thị Quyên		Thạc sĩ	Công Nghệ Sinh Học		Công nghệ sinh học
402	Nguyễn Thị Thái Hà		Thạc sĩ	Quản lý thị trường bất động sản		Quản lý đất đai
403	Nguyễn Thị Thanh Bình		Thạc sĩ	Nông học		Công nghệ thực phẩm
404	Nguyễn Thị Thanh Duyên		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
405	Nguyễn Thị Thanh Thảo		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
406	Nguyễn Thị Thanh Thúy		Tiến sĩ	Hóa học		Chăn nuôi

407	Nguyễn Thị Thanh Trúc		Thạc sĩ	Thủy sản		Công nghệ chế biến thủy sản
408	Nguyễn Thị Thu		Thạc sĩ	Lâm học		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
409	Nguyễn Thị Thu Năm		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
410	Nguyễn Thị Thu Sương		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ sinh học
411	Nguyễn Thị Thương		Tiến sĩ	Thú y		Thú y
412	Nguyễn Thị Thùy Dung		Thạc sĩ	Khoa học sinh học thú y		Thú y
413	Nguyễn Thị Thúy Liễu		Thạc sĩ	Nông học		Bảo vệ thực vật
414	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		Tiến sĩ	Sư phạm Pháp văn		Ngôn ngữ Anh
415	Nguyễn Thị Vân Anh		Đại học	Công nghệ Sinh học Môi trường		Công nghệ sinh học
416	Nguyễn Thị Vân Anh		Đại học	Quản lý môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
417	Nguyễn Thị Vân Khanh		Thạc sĩ	Nông học		Nông học

418	Nguyễn Thiện Thanh		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và Môi trường		Công nghệ thực phẩm
419	Nguyễn Thùy Linh		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
420	Nguyễn Trần Liên Hương		Thạc sĩ	Quản lý môi trường		Công nghệ thực phẩm
421	Nguyễn Tri Quang Hưng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường		Kỹ thuật môi trường
422	Nguyễn Trịnh Minh Anh		Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường		Kỹ thuật môi trường
423	Nguyễn Trịnh Nguyên		Thạc sĩ	Cơ khí Nông Lâm		Công nghệ kỹ thuật ô tô
424	Nguyễn Trọng Thề		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
425	Nguyễn Trung Hậu		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
426	Nguyễn Trung Quyết		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Công nghệ thông tin
427	Nguyễn Tuấn Anh		Đại học	Quản lý môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
428	Nguyễn Tuấn Đạt		Thạc sĩ	Bảo vệ thực vật		Bảo vệ thực vật

429	Nguyễn Tuyết Nhung Tường		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
430	Nguyễn Văn Chánh		Thạc sĩ	Thú y		Chăn nuôi
431	Nguyễn Văn Công Chính		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
432	Nguyễn Văn Cường		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Kinh doanh nông nghiệp
433	Nguyễn Văn Cường		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Kinh doanh nông nghiệp
434	Nguyễn Văn Dũ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
435	Nguyễn Văn Hiền		Thạc sĩ	Hóa học		Chăn nuôi
436	Nguyễn Văn Hiền		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Kỹ thuật môi trường
437	Nguyễn Văn Hiệp		Thạc sĩ	Chăn nuôi thú y		Chăn nuôi
438	Nguyễn Văn Hùng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Cơ điện tử		Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử
439	Nguyễn Văn Huy		Thạc sĩ	Công nghệ môi trường		Kỹ thuật môi trường

440	Nguyễn Văn Khang		Thạc sĩ	huấn luyện thể thao		Quản trị kinh doanh
441	Nguyễn Văn Kiệp		Đại học	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
442	Nguyễn Văn Kính		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
443	Nguyễn Văn Lành		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
444	Nguyễn Văn Long		Thạc sĩ	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên		Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên
445	Nguyễn Văn Minh Hùng		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
446	Nguyễn Văn Năm		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Phát triển nông thôn
447	Nguyễn Văn Nghị		Đại học	Thú y		Thú y
448	Nguyễn Văn Nhã		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
449	Nguyễn Văn Phú		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
450	Nguyễn Văn Thanh Trung		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Kế toán

451	Nguyễn Văn Tiến		Thạc sĩ	Chế biến lâm sản		Công nghệ kỹ thuật ô tô
452	Nguyễn Vạn Tín		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
453	Nguyễn Văn Trai		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên bền vững		Nuôi trồng thủy sản
454	Nguyễn Văn Trọn		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Quản trị kinh doanh
455	Nguyễn Văn Tuấn Anh		Thạc sĩ	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô		Công nghệ kỹ thuật ô tô
456	Nguyễn Viết Lâm		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng anh		Quản trị kinh doanh
457	Nguyễn Vinh Quy		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và Môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
458	Nguyễn Võ Ngọc Thạch		Thạc sĩ	Điện - Điện tử		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
459	Nguyễn Vũ Đức Thịnh		Đại học	Khoa học môi trường		Tài nguyên và Du lịch sinh thái
460	Nguyễn Vũ Phong		Tiến sĩ	Khoa học nông nghiệp		Công nghệ sinh học

461	Nguyễn Xuân Vân		Thạc sĩ	Quản lý môi trường		Tài nguyên và Du lịch sinh thái
462	Nguyễn ý Nguyên Hân		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
463	Ong Mộc Quý		Tiến sĩ	Thủy sản		Nuôi trồng thủy sản
464	Phạm Đức Toàn		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ kỹ thuật ô tô
465	Phạm Duy Lam		Thạc sĩ	Cơ khí Nông Lâm		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
466	Phạm Duy Tân		Thạc sĩ	Bệnh học Thủy sản		Công nghệ sinh học
467	Phạm Gia Diệp		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Công nghệ thực phẩm
468	Phạm Hồng Sơn		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Công nghệ thông tin
469	Phạm Hữu Nguyên		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
470	Phạm Minh Duy		Tiến sĩ	Khoa học nông nghiệp		Nông học
471	Phạm Minh Toàn		Đại học	Ngôn Ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh

472	Phạm Ngọc Dung		Thạc sĩ	quản lý kinh tế		Quản trị kinh doanh
473	Phạm Ngọc Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ chế biến lâm sản
474	Phạm Phúc Thịnh		Đại học	Chăn nuôi		Chăn nuôi
475	Phạm Quỳnh Mai		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
476	Phạm Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Giáo dục học		Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp
477	Phạm Thanh Hải		Tiến sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
478	Phạm Thị Bích Vân		Tiến sĩ	Hóa học		Công nghệ kỹ thuật hóa học
479	Phạm Thị Hồng Nhung		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Kế toán
480	Phạm Thị Lan Phương		Thạc sĩ	Chế biến thủy sản		Công nghệ thực phẩm
481	Phạm Thị Lệ Thủy		Thạc sĩ	Khoa học cây trồng		Quản trị kinh doanh

482	Phạm Thị Nguyệt Khánh		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Quản trị kinh doanh
483	Phạm Thị Nhiên		Thạc sĩ	Kinh tế		Kinh doanh nông nghiệp
484	Phạm Thị Phương Quý		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Kinh tế
485	Phạm Thị Thùy Dương		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
486	Phạm Thị Thuyền		Thạc sĩ	Kinh tế học		Kinh tế
487	Phạm Thu Phương		Thạc sĩ	Kinh tế		Kế toán
488	Phạm Thùy Dung		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh tế
489	Phạm Trung Kiên		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Kỹ thuật môi trường
490	Phạm Văn Hiền	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Nông học		Thú y
491	Phạm Văn Hùng		Đại học	Ngữ văn		Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp
492	Phạm Văn Quý		Thạc sĩ	Chuyên giao khoa học công nghệ		Công nghệ kỹ thuật ô tô

493	Phạm Văn Tính		Tiến sĩ	Máy tính và tự động hóa		Công nghệ thông tin
494	Phạm Văn Xinh		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
495	Phan Đăng Thái Phương		Tiến sĩ	Nông học		Nông học
496	Phan Đình Long		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
497	Phan Hải Văn		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
498	Phan Hoàng Vũ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất		Bất động sản
499	Phan Minh Hiếu		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
500	Phan Minh Xuân		Tiến sĩ	Lâm nghiệp		Lâm học
501	Phan Quang Bá		Thạc sĩ	Thú y		Thú y
502	Phan Tại Huân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hóa thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
503	Phan Thị Hiền		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Kinh tế

504	Phan Thị Kim Khánh		Thạc sĩ	Công nghệ hóa học và thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
505	Phan Thị Kim Phụng		Thạc sĩ	Nông học		Công nghệ thực phẩm
506	Phan Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
507	Phan Thị Lan Khanh		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm
508	Phan Thị Lệ Hằng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
509	Phan Thị Ngọc Diễm		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
510	Phan Thị Xuân Hằng		Thạc sĩ	Địa lý học (trừ Địa lý tự nhiên)		Hệ thống thông tin
511	Phan Trọng Nghĩa		Đại học	Cơ Điện Tử		Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử
512	Phan Văn Trọng		Đại học	Nông học		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
513	Phan Vĩnh Thuận		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ thông tin

514	Phùng Thị Quỳnh Chi		Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
515	Phùng Võ Cẩm Hồng		Thạc sĩ	Hóa phân tích		Công nghệ sinh học
516	Quách Tuyết Anh		Tiến sĩ	Thú y		Chăn nuôi
517	Tăng Thị Kim Hồng		Tiến sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ chế biến lâm sản
518	Thái Nguyễn Diễm Hương		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
519	Thái Văn Hòa		Thạc sĩ	Công nghệ địa chính		Quản lý đất đai
520	Thái Văn Ton		Thạc sĩ	Vật lý		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
521	Thân Đỗ Diệu Hương		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non
522	Thành Minh Đức		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
523	Tiêu Nguyên Thảo		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
524	Tô Thị Hồng Phượng		Thạc sĩ	Thú y		Thú y

525	Tôn Bảo Linh		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ sinh học
526	Tôn Nữ Gia Ái		Thạc sĩ	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên		Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên
527	Tôn Trang ánh		Thạc sĩ	Nông học		Công nghệ sinh học
528	Tổng Bảo Ngọc		Thạc sĩ	Tài chính		Quản trị kinh doanh
529	Trác Khương Lai		Tiến sĩ	Nông học		Bất động sản
530	Trần Anh Kiệt		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Kinh doanh nông nghiệp
531	Trần Bảo Ngọc		Tiến sĩ	Toán học		Công nghệ kỹ thuật ô tô
532	Trần Cao Bảo		Tiến sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Anh
533	Trần Đình Lý		Tiến sĩ	Kinh tế nông lâm		Quản trị kinh doanh
534	Trần Đình Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
535	Trần Đức Luân		Thạc sĩ	Phát triển nông thôn		Phát triển nông thôn

536	Trần Duy Hùng		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
537	Trần Hiếu		Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm		Công nghệ sinh học
538	Trần Hoài Nam		Thạc sĩ	Kinh tế		Kinh doanh nông nghiệp
539	Trần Hoài Thanh		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
540	Trần Hồng Thủy		Thạc sĩ	Thủy sản		Công nghệ thực phẩm
541	Trần Hữu Lộc		Tiến sĩ	Thủy sản		Nuôi trồng thủy sản
542	Trần Hữu Minh		Thạc sĩ	Giáo dục học		Kinh tế
543	Trần Lê Như Quỳnh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
544	Trần Mai Ly Na		Thạc sĩ	LL và PPDH Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
545	Trần Minh Dạ Hạnh		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
546	Trần Minh Hảo		Thạc sĩ	Internet và thương mại điện tử		Công nghệ thông tin

547	Trần Minh Trí		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Quản trị kinh doanh
548	Trần Ngọc Thanh		Thạc sĩ	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp		Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp
549	Trần Nguyễn Lâm Khương		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
550	Trần Quang Khánh		Tiến sĩ	Triết học		Công nghệ kỹ thuật ô tô
551	Trần Quốc Việt		Thạc sĩ	Kỹ thuật máy tính		Công nghệ thông tin
552	Trần Thái Sơn		Thạc sĩ	Đại số lý thuyết số		Công nghệ kỹ thuật ô tô
553	Trần Thanh Giang		Thạc sĩ	Kinh tế học		Kinh doanh nông nghiệp
554	Trần Thanh Tiến		Thạc sĩ	Chăn nuôi		Thú y
555	Trần Thanh Tuyền		Thạc sĩ	Nông học		Công nghệ kỹ thuật nhiệt
556	Trần Thế Phong		Thạc sĩ	Lâm nghiệp		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
557	Trần Thị Diễm Tuyền		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Kinh tế

558	Trần Thị Hiền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ chế biến lâm sản
559	Trần Thị Hoàng Yến		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Kinh tế
560	Trần Thị Kim Hà		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
561	Trần Thị Kim Khánh		Thạc sĩ	Kinh tế Luật		Quản lý đất đai
562	Trần Thị Kim Khoa		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Kinh doanh nông nghiệp
563	Trần Thị Kim Nga		Thạc sĩ	Cơ điện tử		Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử
564	Trần Thị Lệ Minh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Nông học		Công nghệ sinh học
565	Trần Thị Ngọc Ánh		Đại học	Sinh học		Công nghệ sinh học
566	Trần Thị Ngọc Bích		Thạc sĩ	Nông học		Bảo vệ thực vật
567	Trần Thị Quỳnh Lan		Tiến sĩ	Thú y		Thú y
568	Trần Thị Thanh Hương		Thạc sĩ	Hóa học		Công nghệ kỹ thuật hóa học

569	Trần Thị Thanh Huyền		Đại học	Quản lý thị trường bất động sản		Quản lý đất đai
570	Trần Thị Thanh Nga		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
571	Trần Thị Thanh Trà		Đại học	Công nghệ kỹ thuật Hoá học		Công nghệ kỹ thuật hóa học
572	Trần Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc		Su phạm Kỹ thuật nông nghiệp
573	Trần Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Nông học		Quản trị kinh doanh
574	Trần Thị Thu Huyền		Thạc sĩ	Triết học		Bất động sản
575	Trần Thị Thúy An		Thạc sĩ	Bảo vệ thực vật		Bảo vệ thực vật
576	Trần Thị Trinh		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
577	Trần Thị Vân		Thạc sĩ	Công nghệ môi trường		Bất động sản
578	Trần Thị Vân Anh		Thạc sĩ	Toán tin học		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá

579	Trần Thị Việt Hòa		Đại học	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
580	Trần Thị Xuyên		Tiến sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non
581	Trần Thị Yến Ân		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
582	Trần Thị Yến Phương		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Công nghệ thực phẩm
583	Trần Văn Bình		Thạc sĩ	Nông học		Bảo vệ thực vật
584	Trần Văn Lọt		Tiến sĩ	Nông học		Nông học
585	Trần Văn Minh		Thạc sĩ	Thủy sản		Công nghệ thực phẩm
586	Trần Văn Thịnh		Tiến sĩ	Nông học		Nông học
587	Trần Văn Tuấn		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
588	Trần Vũ Tuấn		Thạc sĩ	Khoa học môi trường		Công nghệ thực phẩm
589	Trần Xuân Mùi		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		Kinh tế
590	Trịnh Ngọc Thảo Ngân		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ thực phẩm

591	Trịnh Thanh Toàn		Thạc sĩ	Kinh tế nông lâm		Kinh doanh nông nghiệp
592	Trịnh Thị Phi Ly		Tiến sĩ	Nông học		Thú y
593	Trịnh Thị Tiệp		Thạc sĩ	Sinh học		Bất động sản
594	Trương Đình Bảo		Tiến sĩ	Thú y		Thú y
595	Trương Đỗ Thùy Linh		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
596	Trương Nguyễn Thị Như Mai		Thạc sĩ	Sinh học		Công nghệ thực phẩm
597	Trương Phước Thiên Hoàng		Thạc sĩ	Sinh học		Công nghệ sinh học
598	Trương Quang Bình		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ chế biến thủy sản
599	Trương Quang Trường		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử
600	Trương Thảo Vy		Đại học	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ kỹ thuật hóa học
601	Trương Thị Cẩm Nhung		Thạc sĩ	Cảnh quan và Kỹ thuật hoa viên		Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên

602	Trương Thị Kim Thủy		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
603	Trương Thị Mỹ Hà		Thạc sĩ	CNXH Khoa học		Kinh tế
604	Trương Văn Vinh		Tiến sĩ	Lâm nghiệp		Lâm học
605	Trương Vĩnh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ kỹ thuật hóa học
606	Truyện Nhã Định Huệ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Công nghệ thực phẩm
607	Văn Hữu Nhật		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Công nghệ thực phẩm
608	Viên Ngọc Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Lâm nghiệp		Quản lý tài nguyên rừng
609	Võ Dương Minh		Đại học	Bác sĩ Thú y		Thú y
610	Võ Huy Thịnh		Thạc sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật cơ khí
611	Võ Khánh Hưng		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học		Công nghệ sinh học
612	Võ Ngân Thơ		Thạc sĩ	Kinh tế		Công nghệ thông tin

613	Võ Ngọc Quỳnh Trâm		Thạc sĩ	Công nghệ và Quản lý Môi trường		Hệ thống thông tin
614	Võ Nguyễn Hoài Như		Tiến sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
615	Võ Phúc Anh Duy		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
616	Võ Phúc Anh Vũ		Thạc sĩ	LL và PPDH Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
617	Võ Sỹ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
618	Võ Tấn Đại	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y		Thú y
619	Võ Tấn Linh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
620	Võ Tấn Toàn		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
621	Võ Thái Dân		Tiến sĩ	Nông học		Bảo vệ thực vật
622	Võ Thanh Liêm		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Công nghệ thông tin
623	Võ Thị Bích Thương		Thạc sĩ	Sinh học		Công nghệ thông tin

624	Võ Thị Bích Thùy		Thạc sĩ	Quản lý môi trường		Công nghệ thực phẩm
625	Võ Thị Lê Na		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản lý đất đai
626	Võ Thị Minh Hòa		Thạc sĩ	Luật học		Quản trị kinh doanh
627	Võ Thị Ngọc Hà		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật		Bảo vệ thực vật
628	Võ Thị Thanh Bình		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Công nghệ thực phẩm
629	Võ Thị Thúy Huệ		Thạc sĩ	Nông học		Nông học
630	Võ Thị Trà An	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y		Thú y
631	Võ Văn Tuấn		Tiến sĩ	Thủy sản		Nuôi trồng thủy sản
632	Võ Văn Việt		Thạc sĩ	Xã hội học		Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp
633	Vũ Cẩm Lương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản		Nuôi trồng thủy sản
634	Vũ Ngọc Hà Vi		Thạc sĩ	Công nghệ hóa học và thực phẩm		Công nghệ kỹ thuật hóa học

635	Vũ Thanh Liêm		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
636	Vũ Thị Ánh Ngọc		Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên môi trường		Kế toán
637	Vũ Thùy Anh		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Công nghệ kỹ thuật hóa học
638	Vũ Văn Quang		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Quản lý tài nguyên và môi trường
639	Vương Thành Tiên		Tiến sĩ	Cơ khí		Công nghệ kỹ thuật ô tô
640	Vương Thị Thủy		Thạc sĩ	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên		Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học